

NHU CẦU CỦA CÁC ĐƠN VỊ TUYỂN DỤNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH THỂ DỤC, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Đinh Khánh Thu*

Tóm tắt:

Thông qua phương pháp phỏng vấn, tìm hiểu thực trạng cơ sở vật chất, nhu cầu tuyển dụng lao động, yêu cầu về năng lực của sinh viên trong lĩnh vực Thể dục tại các cơ sở tuyển dụng nhằm định hướng cho Bộ môn Thể dục Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trong công tác đào tạo chuyên ngành.

Từ khóa: GDTC; Chuyên ngành Thể dục; Nhu cầu tuyển dụng; Năng lực sinh viên thể dục.

Need of recruitment agencies to Physical Education majored students in Physical Education Department at Bac Ninh Sports University

Summary:

Through the methods of interviewing, the study has carried out a research on the reality of facilities, need of labour recruitment, requirement of capacity of students in Physical Education at the recruitment agencies in order to make orientation in major training of the Physical Education subject at Bac Ninh Sports University

Keywords: Physical education, physical education major, need of recruitment, capacity of physical education students

ĐẶT VẤN ĐỀ

Để nâng cao hiệu quả đào tạo cần đánh giá được thực trạng chất lượng đào tạo, trong đó nội dung quan trọng nhất là cần đánh giá sự thỏa mãn của người sử dụng lao động đối với sản phẩm đào tạo.

Trong thời gian qua, Bộ môn Thể dục đã tiến hành khảo sát nhu cầu thực tiễn của các đơn vị tuyển dụng tại một số CLB thể thao, các trường đại học và Phổ thông các cấp khu vực phía Bắc. Nội dung phỏng vấn tập trung vào lĩnh vực cụ thể thuộc Chuyên ngành Thể dục như: Trình độ chuyên môn của sinh viên, yêu cầu năng lực sư phạm cũng như năng lực tổ chức hoạt động nội ngoại khóa môn chuyên ngành, cơ sở vật chất, nhu cầu tuyển dụng... để xác định hướng nâng cao hiệu quả chương trình đào tạo sinh viên Chuyên ngành Thể dục, Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Đối tượng được phỏng vấn gồm 41 cơ sở, trong đó có 10 CLB Thể thao, 14 trường Đại học và 17 trường phổ thông. Đối tượng tham gia phỏng vấn ở các CLB là cán bộ quản lý và HLV, ở các trường phổ thông là hiệu trưởng và hiệu phó, ở các trường đại học phỏng vấn trưởng phó bộ môn GDTC.

1. Điều tra thực trạng cơ sở vật chất tại cơ sở tuyển dụng

Điều tra cơ sở vật chất (CSVCh) của các đơn vị tuyển dụng nhằm định hướng nội dung đào tạo các môn chuyên ngành hẹp tiếp cận với điều kiện thực tế của địa phương. Trên cơ sở các loại hình thể dục phổ biến hiện nay, chúng tôi đã thống kê các dụng cụ phục vụ giảng dạy ở các địa phương, kết quả được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Các nội dung cần phải trang bị dụng cụ mới có thể giảng dạy được là các môn Thể dục dụng cụ, Thể dục nghệ thuật, Thể dục Aerobic, Thể dục thể hình, Thể dục thẩm mỹ. Hầu như các cơ sở đều không đủ hoặc không có dụng cụ, cụ thể:

*TS, Phó Trưởng Bộ môn Thể dục, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Bảng 1. Thống kê trang thiết bị Thể dục tại các cơ sở tuyển dụng

TT	Loại thiết bị	Tư nhân, cơ phần		Cơ quan nhà nước				Tổng n = 41	
		Câu lạc bộ n=10		Trường ĐH n=14		Trường PT n=17			
		n	Tỉ lệ%	n	Tỉ lệ%	n	Tỉ lệ%	n	Tỉ lệ%
1	Thể dục dụng cụ								
	Xà đơn	0	0	6	42.9	2	11.8	8	19.5
	Xà lệch	0	0	3	21.4	2	11.8	5	12.2
	Xà kép	0	0	6	42.9	3	17.6	9	22
	Hòm Thể dục (ngựa)	0	0	4	28.6	0	0	4	9.6
	Bục nhảy ngựa	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cầu thăng bằng	0	0	0	0	0	0	0	0
	Thảm nhào lộn	0	0	0	0	0	0	0	0
	Đệm mút	0	0	9	64.3	10	58.8	19	46.3
2	Thể dục Nghệ thuật								
	Vòng	0	0	0	0	0	0	0	0
	Bóng	0	0	0	0	0	0	0	0
	Dây	0	0	0	0	0	0	0	0
	Lụa	0	0	0	0	0	0	0	0
	Thang dóng	0	0	0	0	0	0	0	0
	Gương	0	0	0	0	0	0	0	0
3	TD Aerobic, Khiêu vũ, TD Cổ động, múa, TD Đồng diễn								
	+ Hệ thống âm thanh	10	100	14	100	12	70.6	36	87.8
4	Thể dục thể hình, thẩm mỹ								
	Máy tập tổng hợp	10	100	7	50	0	0	17	41.5
	Tạ các loại	10	100	9	64.3	8	47.1	27	65.9
	Bục thẩm mỹ	10	100	9	64.3	0	0	19	46.3
	Bóng thẩm mỹ	10	100	3	21.4	0	0	13	31.7

Môn Thể dục nghệ thuật 100% cơ sở không có thiết bị.

Môn Thể dục dụng cụ 100% cơ sở không đủ 4 nội dung của nam và 4 nội dung của nữ. Dụng cụ có nhiều nhất là xà đơn và xà kép tập trung tại các trường đại học với tỉ lệ 42.9%, ở trường phổ thông là 11.8% – 17.6%. Trong 14 trường đại học chỉ có 3 trường có xà lệch và trong 17 trường phổ thông chỉ 2 trường có dụng cụ này. 100% các trường phổ thông không có dụng cụ Cầu thăng bằng, ngựa (hòm nhảy) và thảm thể dục tự do.

Các môn Thể dục Aerobic, Khiêu vũ, Thể dục Cổ động, múa, Thể dục Đồng diễn không yêu cầu dụng cụ, chỉ đơn giản cần hệ thống âm thanh, hiện tại đã có 87.8% số đơn vị được trang bị (trong tương lai gần sẽ là 100%)

Các môn Thể dục thể hình, Thể dục thẩm mỹ 100% CLB thể thao được trang bị máy móc và dụng cụ, 50% - 64.3% các trường đại học đã thành lập CLB Thể dục Thể hình thẩm mỹ, trang bị tuy chưa đầy đủ nhưng trên cơ bản có những

dụng cụ cần thiết. Các trường phổ thông chưa phổ cập nội dung này.

Kết quả điều tra về cơ sở vật chất tại các cơ sở tiếp nhận sinh viên chuyên ngành Thể dục, ngành GDTC cho thấy thực trạng đào tạo của bộ môn trong nhiều năm qua chưa bám sát tình hình thực tế, phân bố chương trình mất cân đối giữa các môn chuyên ngành hẹp. Cụ thể môn Thể dục dụng cụ được giảng dạy trong 3/7 kỳ, chiếm tổng quỹ thời gian đào tạo lên tới 42.9% (chương trình niên chế) và 2/5 học kỳ chiếm 40% (chương trình tín chỉ). Mặt khác, nội dung học đầy đủ cả 4 dụng cụ của nam và nữ, trong khi ra trường cơ sở tiếp nhận không cần những nội dung này. Ngược lại môn Thể dục thể hình và Thể dục thẩm mỹ là nội dung phù hợp điều kiện vật chất của cơ sở tuyển dụng lại phải học dồn thời gian trong 1 học kỳ, do vậy chỉ giới thiệu được những kiến thức cơ bản nhất.

Các nội dung còn lại như Thể dục Aerobic, Khiêu vũ thể thao, Thể dục Cổ động đã phù hợp

với nhu cầu của cơ sở sử dụng lao động bởi tính hiện đại của môn học nhưng không phụ thuộc nhiều vào cơ sở vật chất.

2. Nhu cầu sử dụng lao động cử nhân chuyên ngành TD tại các cơ sở tuyển dụng

Để làm rõ hơn sinh viên chuyên ngành TD trong thời gian qua được các cơ sở tuyển dụng

vào làm việc ở những nội dung Thể dục nào, và trong tương lai các đơn vị tuyển dụng mong muốn tiếp nhận lao động giảng dạy ở lĩnh vực thể dục nào để có định hướng đào tạo cho bộ môn trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục phỏng vấn và thu được kết quả trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Nhu cầu sử dụng lao động cử nhân Chuyên ngành Thể dục tại các cơ sở tuyển dụng hiện tại và tương lai

TT	ND phỏng vấn	Tư nhân		Cơ quan nhà nước				Tổng n = 41	
		Câu lạc bộ n=10		Trường ĐH n=14		Trường PT n=17			
		n	Tỉ lệ%	n	Tỉ lệ%	n	Tỉ lệ%	n	Tỉ lệ%
1	Đã tuyển dụng								
	TDDC	0	0	5	35.7	2	11.8	7	17.1
	TD Aerobic	6	60	8	57.1	10	58.8	24	58.5
	TD cổ động	0	0	4	28.6	0	0	4	9.8
	Múa và Khiêu vũ thể thao	5	50	7	50	3	17.6	15	36.6
	TD cơ bản	0	0	14	100	17	100	31	75.6
	TD thể hình	10	100	5	35.7	0	0	15	36.6
	TD thẩm mỹ	10	100	5	35.7	0	0	15	36.6
	Đội hình đội ngũ	0	0	14	100	17	100	31	75.6
2	TD thực dụng	0	0	2	14.3	0	0	2	4.9
	Nhu cầu tuyển dụng trong thời gian tới								
	TDDC	0	0	5	35.7	2	11.8	7	17.1
	TD Aerobic	5	50	10	71.4	17	100	32	75.6
	TD cổ động	0	0	8	57.1	2	11.8	10	24.4
	Múa và Khiêu vũ thể thao	7	70	9	64.3	5	29.4	21	51.2
	TD cơ bản	0	0	3	21.4	3	17.6	6	14.6
	TD thể hình	0	0	6	42.9	3	17.6	9	22
	TD thẩm mỹ	0	0	3	21.4	5	29.4	8	19.5
	Đội hình đội ngũ	0	0	4	28.6	4	23.5	8	19.5
	TD thực dụng	0	0	2	14.3	6	35.3	8	19.5

Kết quả trả lời của các đơn vị sử dụng lao động ở câu hỏi “Đơn vị của đ/c đã tuyển dụng lao động giảng dạy lĩnh vực Thể dục nào” tập trung cao nhất vào nội dung đội hình đội ngũ và thể dục cơ bản với tỉ lệ 75.6%. Sở dĩ các cơ sở tiếp nhận tập trung cao vào nội dung này là do đội hình đội ngũ và thể dục cơ bản có trong chương trình môn học GDTC tại các cơ sở giáo dục. Giáo viên giảng dạy môn Thể dục Aerobic cũng được tuyển nhiều với tỉ lệ 58.5%, nguyên nhân là do Thể dục Aerobic đã được đưa vào chương trình thi đấu Hội khỏe phù đồng đối với học sinh phổ thông và thi đấu trong chương trình “Văn thể mỹ” đối với các trường đại học. Tiếp đến là nội dung Thể dục thể hình và Thẩm mỹ với tỉ lệ tuyển 36.6%,

chủ yếu là các câu lạc bộ TDDT có nhu cầu chuyên môn về lĩnh vực này. Môn TDDC được tuyển với tỉ lệ 17.1%, do dụng cụ Thể dục như các loại xà là dụng cụ thể lực đơn giản thường có ở các trường Đại học. Xếp cuối là Thể dục cổ động và Thể dục thực dụng, rất ít cơ sở tuyển lao động ở lĩnh vực này do 2 môn chưa phát triển, chưa có hệ thống thi đấu.

Nhằm xây dựng nội dung chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu đơn vị tuyển dụng, chúng tôi tiếp tục phỏng vấn các đơn vị sử dụng lao động trong tương lai cần tuyển dụng giáo viên giảng dạy lĩnh vực Thể dục nào. Kết quả cho thấy số đơn vị có nhu cầu lao động về môn Thể dục Aerobic tăng rất cao với 75.6%, môn múa và

Khiêu vũ cũng có hơn 50% đơn vị mong muốn tuyển giáo viên. Tiếp đến là các môn Thể dục Cổ động, thể hình, thẩm mỹ, ĐHDN, TDDC và Thể dục cơ bản. Có thể nhận thấy các cơ sở tuyển dụng đã chuyển biến xu hướng đào tạo từ rèn luyện kỹ năng cơ bản sang các môn thể dục hiện đại, mang tính tập thể lôi cuốn nhiều người cùng tham gia tập luyện.

Kết quả phỏng vấn giúp chúng tôi có định hướng đúng trong vấn đề đổi mới chương trình đào tạo chuyên ngành qua việc lựa chọn và ưu tiên phân bổ thời gian cho các môn học được

nhiều đơn vị sử dụng lao động yêu cầu, giúp sinh viên chuyên ngành Thể dục ra trường nhanh chóng tìm được việc làm phù hợp nhu cầu xã hội.

3. Yêu cầu năng lực của sinh viên chuyên ngành Thể dục

Bên cạnh nhu cầu về nội dung chuyên ngành, chúng tôi còn tìm hiểu các cơ sở tuyển dụng mong muốn người lao động cần được trang bị năng lực gì, qua đó bộ môn sẽ chủ động lồng ghép vào chương trình đào tạo cho sinh viên. Kết quả phỏng vấn trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Yêu cầu năng lực của sinh viên chuyên ngành Thể dục (n=41)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	
		n	Tỉ lệ%
1	Năng lực biểu đạt bằng ngôn ngữ	40	97.6
2	Năng lực thị phạm giảng giải	41	100
3	Năng lực sử dụng giáo trình dạy học	20	48.8
4	Năng lực lựa chọn và vận dụng PP giảng dạy	38	92.7
5	Năng lực soạn giáo án	18	43.9
6	Năng lực sử dụng phương tiện giảng dạy	35	85.4
7	Năng lực tổ chức thi đấu và trọng tài	39	95.1
8	Năng lực chỉ đạo công tác giảng dạy huấn luyện	23	56.1
9	Năng lực nghiên cứu khoa học	10	24.4
10	Năng lực tổ chức dạy học	41	100

Kết quả phỏng vấn cho thấy, các cơ sở tiếp nhận lao động rất chú trọng tới các năng lực như: Thị phạm giảng giải, tổ chức dạy học, biểu đạt bằng ngôn ngữ, tổ chức thi đấu và trọng tài và sử dụng phương tiện giảng dạy, với tỉ lệ tán thành từ 85.4% - 100% số người được hỏi. Kết quả trên cho chúng tôi thấy ngoài vấn đề trang bị kiến thức chuyên môn, bộ môn cần trang bị cho sinh viên các năng lực sư phạm giúp người học tự tin đứng lớp sau khi ra trường.

KẾT LUẬN

1. Sinh viên chuyên ngành Thể dục sau khi ra trường chủ yếu công tác tại các trường trong hệ thống giáo dục quốc dân từ phổ thông đến đại học và làm trong các câu lạc bộ thể thao.

2. Cơ sở vật chất môn TD tại các trường phổ thông và đại học được trang bị tương đối đơn giản, do vậy nhu cầu sử dụng lao động tập trung ở các môn không cần dụng cụ và trong tương lai các cơ sở đào tạo có xu hướng tiếp nhận lao động ở những môn thể dục hiện đại mang tính quần chúng, thu hút được giới trẻ. Trong khi các cơ sở

tư nhân chủ yếu tuyển lao động các môn Thể dục làm tăng thể lực và làm đẹp cơ thể.

3. Ngoài năng lực chuyên môn các cơ sở tuyển dụng đều cần lao động có năng lực sư phạm cũng như tổ chức thi đấu và trọng tài các nội dung Thể dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Kỳ Anh, Vũ Đức Thu (1998), *Nghiên cứu xác định cơ chế chính sách và giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện quy hoạch công tác TDDT ngành Giáo dục đào tạo từ năm 1998 – 2000 và định hướng đến 2025*.
- Nguyễn Đăng Chiêu (2009), *Nghiên cứu thực trạng và các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho sinh viên ở một số Trường Đại học tại TP Hồ Chí Minh*, Đề tài cấp Bộ.
- Đàm Trung Kiên (2013), “Thực trạng nhu cầu tuyển dụng cán bộ phong trào thể thao của các cơ sở có sinh viên ngành Quản lý TDDT Trường Đại học TDDT Bắc Ninh”, *đề tài KHCN cấp cơ sở Trường Đại học TDDT Bắc Ninh*.

(Bài nộp ngày 14/9/2016, Phản biện ngày 27/9/2016, duyệt in ngày 25/10/2016)